

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Mục 1. Giải thích từ ngữ	1
Điều 1. Định nghĩa	1
Mục 2. Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động	4
Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của MB	4
Điều 3. Mục tiêu, phạm vi hoạt động của MB	5
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của MB	6
CHƯƠNG II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA MB	6
Mục 1. Hoạt động huy động vốn	6
Điều 5. Huy động vốn	6
Mục 2. Hoạt động cấp tín dụng	7
Điều 6. Hình thức cấp tín dụng	7
Điều 7. Các hình thức cho vay	7
Điều 8. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý	7
Điều 9. Bảo lãnh ngân hàng	8
Điều 10. Chiết khấu, tái chiết khấu, nhận bảo đảm bằng các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác	8
Điều 11. Hoạt động cho thuê tài chính	8
Mục 3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	8
Điều 12. Tài khoản tiền gửi của MB	8
Điều 13. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	8
Mục 4. Các hoạt động khác	9
Điều 14. Hoạt động đầu tư của MB	9
Điều 15. Bảo hiểm	9
Điều 16. Các hoạt động khác	9
Điều 17. Kinh doanh bất động sản	10
Điều 18. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động	10
Điều 19. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng	10
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	11
Mục 1. Vốn điều lệ	11
Điều 20. Vốn điều lệ	11
Điều 21. Thay đổi Vốn điều lệ	11
Mục 2. Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu	12
Điều 22. Cổ phần	12
Điều 23. Chào bán cổ phần	12
Điều 24. Mua lại cổ phần	13
Điều 25. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 26. Thừa kế cổ phần	15
Điều 27. Tỷ lệ sở hữu cổ phần	15
Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông	16
Điều 29. Cổ phiếu	16
Điều 30. Phát hành trái phiếu	17
Điều 31. Đại diện cổ đông	17
CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT MB	18
Mục 1. Cơ cấu tổ chức quản lý	18

Điều 32.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	18
Mục 2.	Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 33.	Cổ đông	18
Điều 34.	Quyền hạn của Cổ đông	18
Điều 35.	Nghĩa vụ của Cổ đông	19
Điều 36.	Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 37.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 38.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 39.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	24
Điều 40.	Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 41.	Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 42.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 43.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 44.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 45.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 46.	Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	31
Mục 3.	Điều khoản chung về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc	32
Điều 47.	Nhiệm vụ chung	32
Điều 48.	Những người không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MB và các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ khác.....	32
Điều 49.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	34
Điều 50.	Đương nhiên mất tư cách	34
Điều 51.	Bãi nhiệm, miễn nhiệm	35
Điều 52.	Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc	36
Mục 4.	Các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác	36
Điều 53.	Nghĩa vụ thận trọng.....	36
Điều 54.	Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi.....	37
Điều 55.	Trách nhiệm và Bồi thường.....	38
Mục 5.	Hội đồng quản trị	39
Điều 56.	Thành phần và Nhiệm kỳ	39
Điều 57.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	41
Điều 58.	Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	42
Điều 59.	Quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	43
Điều 60.	Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị	44
Điều 61.	Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị	45
Điều 62.	Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 63.	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	46
Điều 64.	Các Ủy ban của Hội đồng quản trị	48
Điều 65.	Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	48
Mục 6.	Tổng Giám đốc	49
Điều 66.	Tổng Giám đốc.....	49
Điều 67.	Tiêu chuẩn, điều kiện Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty con.....	50
Điều 68.	Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc	51
Điều 69.	Giúp việc cho Tổng Giám đốc	52
Mục 7.	Ban Kiểm soát.....	52
Điều 70.	Thành phần và nhiệm kỳ	52
Điều 71.	Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát	53

Điều 72.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát	54
Điều 73.	Thay thế thành viên Ban Kiểm soát	56
Điều 74.	Cuộc họp của Ban Kiểm soát	57
Mục 8.	Người lao động và Công đoàn	59
Điều 75.	Người lao động và công đoàn	59
CHƯƠNG V.	MỐI QUAN HỆ GIỮA MB VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	59
Mục 1.	Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của MB	59
Điều 76.	Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của MB	59
Mục 2.	Mối quan hệ giữa MB với các Đơn vị trực thuộc	59
Điều 77.	Quan hệ giữa MB và các Đơn vị trực thuộc	59
Mục 3.	Quan hệ giữa MB và các Công ty có liên quan	59
Điều 78.	Quản lý phần vốn góp của MB trong các Công ty có liên quan	59
Điều 79.	Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan	60
Điều 80.	Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	60
Điều 81.	Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần	61
Điều 82.	Quan hệ giữa MB với các Công ty liên kết	61
CHƯƠNG VI.	CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	61
Mục 1.	Hệ thống kế toán và năm tài chính	61
Điều 83.	Hệ thống kế toán	61
Điều 84.	Năm tài chính	61
Mục 2.	Kiểm toán	62
Điều 85.	Kiểm toán	62
Mục 3.	Phân chia lợi nhuận	62
Điều 86.	Phân chia lợi nhuận sau thuế	62
Điều 87.	Trích lập quỹ sau thuế và trích lập dự phòng	62
Điều 88.	Trả cổ tức	62
CHƯƠNG VII.	SỔ SÁCH, HỒ SƠ NGÂN HÀNG VÀ CON DẤU	63
Điều 89.	Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý	63
Điều 90.	Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của MB	64
Điều 91.	Chế độ lưu giữ tài liệu của MB	64
Điều 92.	Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	65
Điều 93.	Dấu của MB	65
CHƯƠNG VIII.	TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG	65
Điều 94.	Tổ chức lại	65
Điều 95.	Giải thể Ngân hàng	65
Điều 96.	Phá sản ngân hàng	66
CHƯƠNG IX.		67
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	67	
Điều 97.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	67
Điều 98.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	67
CHƯƠNG X.	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	67
Điều 99.	Điều khoản chung	67

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) là Doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ liên quan đến hoạt động tài chính tiền tệ ngân hàng theo quy định của pháp luật, phục vụ các Khách hàng Quân đội và các thành phần kinh tế khác vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của MB được thực hiện theo Điều lệ này, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định pháp luật hiện hành có liên quan và các thông lệ quản trị tiên tiến, phù hợp với MB.

Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội bao gồm 10 chương, 99 điều; được căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác có liên quan, phù hợp với hoạt động thực tế của MB.

Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả văn bản hướng dẫn, sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 27 tháng 04 năm 2021.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1. Giải thích từ ngữ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:

1.1. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp.

1.2. “Vốn pháp định” là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập và duy trì hoạt động của MB (Căn cứ các quy định về điều chỉnh vốn pháp định của NHNN).

1.3. Vốn tự có gồm giá trị thực của vốn điều lệ của MB và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.4. “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày mà MB được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động nêu tại Điều 2 của Điều Lệ này.

1.5. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời gian MB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. MB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được NHNN chấp thuận.

1.6. “Mạng lưới hoạt động” là các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn ở nước ngoài và các địa điểm mạng lưới hoạt động khác của MB phù hợp quy định của pháp luật.

1.7. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của MB.

1.8. “Cổ đông sáng lập” là các tổ chức và cá nhân tham gia thành lập MB và được quy định cụ thể tại Điều lệ này.

1.9. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

1.10. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn cổ phần của MB thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.

1.11. “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản giấy hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này được quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.

1.12. “Cổ phần” là Vốn Điều lệ của MB được chia thành các phần bằng nhau.

1.13. “Cổ phiếu” là chứng khoán do MB phát hành xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một hoặc một số cổ phần của MB.

1.14. “Cổ phiếu quỹ” là cổ phiếu của chính MB đã phát hành và được MB mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

1.15. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.

1.16. “Pháp luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ.

1.17. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

1.18. “Luật các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

1.19. “Luật Chứng Khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

1.20. “Người điều hành của MB” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh khác theo quyết định của Hội đồng quản trị MB.

1.21. “Người Quản lý của MB” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh khác do Hội đồng quản trị MB quy định.

1.22. “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

1.23. “Người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông” là những người có quyền triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông của MB được quy định cụ thể tại Điều 36 của Điều lệ này.

1.24. “Người có liên quan” của một tổ chức, cá nhân là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với một tổ chức, cá nhân khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; MB với công ty con của MB và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng MB với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

b. Công ty hoặc MB với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc MB hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại.

c. Công ty hoặc MB với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc MB và ngược lại.

d. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này.

e. Công ty hoặc MB với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc MB và ngược lại.

f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

g. Người có liên quan khác theo quy định pháp luật.

1.25. “Công ty có liên quan” là doanh nghiệp do MB nắm giữ một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ, gồm có: công ty con và công ty liên kết.

1.26. “Công ty liên kết của MB” là công ty trong đó MB hoặc MB và người có liên quan của MB sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của MB.

1.27. “Công ty con của MB” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:

a. MB hoặc MB và người có liên quan sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc

b. MB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty đó; hoặc

c. MB có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty; hoặc

d. MB và người có liên quan của MB trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

1.28. “NHNN” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.29. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc nội dung của Điều lệ này.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu không mâu thuẫn với chủ thể và ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2. Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động

Điều 2. Tên gọi, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời gian hoạt động của MB

MB được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0054/NH-GP ngày 14 tháng 9 năm 1994 và các giấy phép, chấp thuận, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh, thay thế sau đó do Thống đốc NHNN cấp. MB có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Tên của Ngân hàng:

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

Tên gọi tắt bằng Tiếng Việt : Ngân hàng TMCP Quân đội.

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh : Military Commercial Joint Stock Bank

Tên viết tắt : MB

3. Tên giao dịch: Ngân hàng Quân đội

4. Trụ sở chính đặt tại: Số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

5. Điện thoại: (84.24) 6266 1088 Fax: (84.24) 6266 1080

6. Website: www.mbbank.com.vn

7. MB được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần. Vốn điều lệ của MB do các cổ đông đóng góp.

MB có dấu riêng, tài khoản riêng mở tại NHNN và tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. MB có Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Hệ thống MB bao gồm: Trụ sở chính, các đơn vị thuộc hệ thống mạng lưới hoạt động của MB theo quy định pháp luật và Công ty con của MB. Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại, Công ty con

của MB được thành lập theo yêu cầu phát triển hoạt động kinh doanh của MB tuân thủ theo quy định của NHNN và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật. Chi nhánh, Văn phòng đại diện, hiện diện thương mại của MB mở ở nước ngoài khi được NHNN cho phép và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chấp thuận.

9. Các cơ quan quản lý và điều hành MB:

9.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của MB.

9.2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

9.3. Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật, quy định nội bộ của MB, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị MB.

9.4. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê, có trách nhiệm điều hành hoạt động của MB, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Người điều hành khác và các đơn vị chức năng thuộc Hội sở chính.

10. Đại diện theo pháp luật của MB là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Tổ chức chính trị - xã hội trong MB.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong MB hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong MB hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ và quy định của các tổ chức đó.

12. Thời hạn hoạt động của MB là 99 năm kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép hoạt động.

Điều 3. Mục tiêu, phạm vi hoạt động của MB

1. Mục tiêu hoạt động của MB là xây dựng, phát triển ngân hàng trở thành:

- Một ngân hàng thương mại đa năng hiện đại.
- Một trong những ngân hàng TMCP hoạt động an toàn, hiệu quả, uy tín nhất.
- Ngân hàng TMCP phục vụ tốt nhất cho các Khách hàng Quân đội, các tổ chức và cá nhân.

2. Phạm vi hoạt động của MB bao gồm:

- Huy động vốn.
- Cấp tín dụng.
- Cung ứng các dịch vụ ngân hàng.
- Các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Những thay đổi trong phạm vi hoạt động của MB phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của MB

1. MB có quyền trong hoạt động kinh doanh phù hợp quy định của pháp luật, chấp thuận của NHNN và các quy định cụ thể tại Điều lệ này.
2. MB có quyền từ chối quan hệ tín dụng, các quan hệ kinh doanh khác với khách hàng nếu thấy không đủ điều kiện, không đem lại hiệu quả kinh tế, không có khả năng thu hồi vốn, hoặc các quan hệ này trái pháp luật.
3. MB tự chủ về tài chính, chủ động trong kinh doanh, bảo đảm chi phí và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, về sự tăng trưởng và bảo toàn vốn của MB.
4. MB có quyền từ chối cung cấp thông tin liên quan đến tiền gửi, tiền vay, tài sản và thông tin liên quan đến tài sản của khách hàng và bí mật hoạt động kinh doanh của MB, trừ trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng theo quy định pháp luật.
5. MB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng và về khách hàng, được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với MB phù hợp quy định pháp luật.
6. MB có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê chuẩn theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp Luật các Tổ chức tín dụng và hướng dẫn của NHNN.
7. MB có quyền hoạt động kinh doanh cả trong nước và ngoài nước.
8. MB thực hiện quyền và nghĩa vụ khác phù hợp quy định pháp luật, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA MB

Mục 1. Hoạt động huy động vốn

Điều 5. Huy động vốn

Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

1. Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
3. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
4. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5. Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.
6. Việc huy động vốn có thể bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ, vàng, các công cụ tài

chính khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2. Hoạt động cấp tín dụng

Điều 6. Hình thức cấp tín dụng

MB cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức sau:

1. Cho vay.
2. Bảo lãnh ngân hàng.
3. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác.
4. Phát hành thẻ tín dụng.
5. Bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế.
6. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 7. Các hình thức cho vay

MB cho các tổ chức, cá nhân vay vốn dưới các hình thức sau đây:

1. Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.
2. Cho vay trung hạn, dài hạn nhằm thực hiện các dự án đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đời sống.
3. Các hình thức cho vay khác phù hợp với thực tiễn của thị trường và quy định của pháp luật.

Điều 8. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

1. MB được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cho vay; có quyền kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng, yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích; chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng, Bên bảo đảm cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng. Việc xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng phù hợp quy định pháp luật.

2. MB có quyền xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng vay, tài sản của bên bảo đảm trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. MB được miễn, giảm lãi suất cho vay, phí ngân hàng; gia hạn nợ; mua bán nợ, xóa nợ và các hình thức khác phù hợp quy định pháp luật.

Điều 9. Bảo lãnh ngân hàng

MB bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác đối với người nhận bảo lãnh là tổ chức cá nhân trong nước, nước ngoài phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 10. Chiết khấu, tái chiết khấu, nhận bảo đảm bằng các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác

1. MB được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu. MB có thể nhận bảo đảm bằng các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác để cấp tín dụng phù hợp quy định pháp luật. Trường hợp chiết khấu, người chủ sở hữu các giấy tờ có giá phải chuyển giao ngay mọi quyền, lợi ích hợp pháp phát sinh từ các giấy tờ đó cho MB. Trường hợp nhận bảo đảm, MB được thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp trong trường hợp chủ sở hữu các giấy tờ đó không thực hiện đúng hoặc không thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng với MB.

2. MB được tái chiết khấu, nhận bảo đảm các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác phù hợp quy định pháp luật.

3. MB có thể được NHNN tái chiết khấu và cho vay trên cơ sở bảo đảm bằng các công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu phù hợp quy định pháp luật.

Điều 11. Hoạt động cho thuê tài chính

MB thành lập công ty con hoặc tham gia góp vốn thành lập Công ty cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật.

Mục 3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

Điều 12. Tài khoản tiền gửi của MB

1. MB mở tài khoản tiền gửi tại NHNN (Sở giao dịch hoặc chi nhánh NHNN) và duy trì số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN. Tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ phải mở tài khoản tại Sở Giao dịch NHNN.

2. Chi nhánh của MB mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi đặt trụ sở của Chi nhánh.

3. MB mở tài khoản tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, phù hợp với quy định của pháp luật.

4. MB mở tài khoản cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

1. MB thực hiện các dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:

1.1. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

1.2. Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.

1.3. Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ.

1.4. Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác phù hợp quy định của NHNN.

- 1.5. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế.
- 1.6. Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.
2. MB tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước, tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phù hợp quy định của pháp luật.

Mục 4. Các hoạt động khác

Điều 14. Hoạt động đầu tư của MB

MB thực hiện các hoạt động đầu tư sau đây:

1. Góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp và của các tổ chức tín dụng khác phù hợp quy định của pháp luật.
2. Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam và những quy định có liên quan khác của NHNN.
3. Đầu tư liên doanh liên kết, góp vốn hợp tác đầu tư phát triển các dự án phù hợp qui định của pháp luật.
4. Ủy thác và Nhận ủy thác trong hoạt động đầu tư phù hợp quy định pháp luật.
5. Các hoạt động đầu tư khác phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 15. Bảo hiểm

MB thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm nhằm thực hiện cung ứng các dịch vụ bảo hiểm sau đây:

1. Bảo hiểm nhân thọ.
2. Bảo hiểm phi nhân thọ.
3. Tái bảo hiểm.
4. Các loại hình bảo hiểm khác phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 16. Các hoạt động khác

1. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.
2. Kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN cho phép.
3. Kinh doanh trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, đầu tư vào các giấy tờ có giá khác trong nước và ở nước ngoài phù hợp qui định của pháp luật.
4. Nghiệp vụ ngân hàng lưu ký.
5. Cung ứng các dịch vụ phái sinh gồm: các sản phẩm phái sinh tỷ giá lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay.
7. Mua bán nợ.
8. Được quyền ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến

hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản phù hợp quy định của NHNN.

9. Cung ứng các dịch vụ:

9.1. Tư vấn tài chính và tiền tệ, tư vấn phát hành, đại lý phát hành, đại lý phân phối các giấy tờ có giá trực tiếp cho khách hàng hoặc qua các công ty con được thành lập phù hợp quy định của pháp luật.

9.2. Dịch vụ môi giới tiền tệ khi được NHNN cho phép.

9.3. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng; Các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; dịch vụ quản lý tài sản.

9.4. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9.5. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

10. Thành lập công ty con để hoạt động trên một số lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, quản lý nợ và khai thác tài sản và các lĩnh vực khác phù hợp quy định của pháp luật.

11. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài phù hợp quy định của pháp luật.

12. Các hoạt động khác của MB sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 17. Kinh doanh bất động sản

MB không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của MB.

2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của MB.

3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 18. Các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng

1. MB áp dụng điều ước quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, phù hợp với mục tiêu hoạt động của MB và quy định của pháp luật.

2. MB có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, phù hợp với mục tiêu hoạt động của MB và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Mục 1. Vốn điều lệ

Điều 20. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của MB tại thời điểm ban hành Điều lệ này là 27.987.568.720.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi bảy tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).
2. Vốn điều lệ của MB được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).
3. MB đảm bảo mức vốn điều lệ thực góp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - 4.1. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của MB không quá tỷ lệ quy định của NHNN.
 - 4.2. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN.
 - 4.3. Thành lập công ty con theo quy định của pháp luật.
 - 4.4. Cấp tín dụng.
 - 4.5. Hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định của pháp luật.
5. Vốn điều lệ của MB có thể thay đổi trong từng thời kỳ, theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp quy định của NHNN, của pháp luật về việc thay đổi vốn điều lệ. Số vốn điều lệ mới sau khi được đăng ký theo quy định của pháp luật được xem là sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều này.
6. Tổng mức tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB là [.....].

Điều 21. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ của MB (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi Vốn điều lệ thực hiện theo quy định của NHNN.
3. Các hình thức tăng Vốn điều lệ của MB:
 - 3.1. Chào bán cổ phần hoặc phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, kể cả trường hợp cơ cấu lại nợ theo hình thức chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo thỏa thuận của MB và các chủ nợ.
 - 3.2. Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành cổ phiếu.
 - 3.3. Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của MB.
 - 3.4. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng Vốn điều lệ.
 - 3.5. Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các hình thức giảm Vốn điều lệ:

4.1. MB mua lại cổ phiếu và giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được MB mua lại.

4.2. Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Việc giảm Vốn điều lệ của MB phải đảm bảo không được thấp hơn vốn pháp định của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

6. Sau khi đã thay đổi Vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước, MB đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Vốn điều lệ mới và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật về số Vốn điều lệ mới.

7. Hội đồng quản trị MB thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo quy định của NHNN và Điều lệ của MB.

Mục 2. Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu

Điều 22. Cổ phần

1. Toàn bộ cổ phần của MB vào ngày ban hành Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

2. Mỗi cổ phần của MB có mệnh giá là 10.000 đồng (Bằng chữ: Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của MB bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá cổ phần. Tất cả các cổ phần của MB đều có quyền biểu quyết.

3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

4. Trường hợp cổ đông góp vốn bằng tài sản, thì phải là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh của MB được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu các tài sản này thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận với người góp vốn hoặc thuê tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để xác định giá tài sản góp vốn vào MB và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn.

Điều 23. Chào bán cổ phần

1. Khi MB tăng Vốn điều lệ, Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn mệnh giá cổ phần tại thời điểm chào bán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Cổ phần của MB có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản hợp pháp khác theo quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp MB chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoặc phát hành thêm quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hoặc chào bán, phát hành khác theo pháp luật chứng khoán để tăng vốn điều lệ thì thực hiện theo

quy định của pháp luật về chứng khoán và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác theo quy định của pháp luật.

5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của MB.

6. Hội đồng quản trị MB quy định về điều kiện, thủ tục, hồ sơ mua cổ phần tại MB phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

Điều 24. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của MB.

MB có quyền mua lại không quá 30% (Ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1.1. Hội đồng quản trị MB có quyền quyết định mua lại không quá 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

1.2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm 1.3 Khoản 1 Điều này.

1.3. MB có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong MB. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của MB phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của MB, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho MB.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được MB trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. MB chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.

2.1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý MB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ MB có quyền yêu cầu MB mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu MB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến MB trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2.2. MB phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm 2.1 khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn 90 (chín mươi)

ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để xác định giá. MB giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.

3.1. MB chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, MB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật. Việc MB mua lại cổ phần của chính mình phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MB.

3.2. MB thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này và làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được MB mua lại, trừ các trường hợp mua lại cổ phiếu mà không phải giảm vốn điều lệ phù hợp quy định pháp luật. MB được bán ra cổ phiếu ngay sau khi mua lại trong các trường hợp theo quy định của pháp luật.

3.3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy bằng phương thức phù hợp ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với MB.

3.4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của MB giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì MB phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

3.5. MB chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.

Điều 25. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác hoặc các cam kết, thỏa thuận bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật.

2. Hội đồng quản trị quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của các bên ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi các thông tin của người nhận chuyển nhượng được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng: chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.

4. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

5. Trong thời gian đang xử lý các hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

5.1. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật.

5.2. Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.

5.3. Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật các tổ chức tín dụng.

6. Việc chuyển nhượng cổ phần của MB sau khi niêm yết được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của MB, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 27. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn điều lệ của MB.

2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của MB, trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của MB.

4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.

5. Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% vốn điều lệ của MB; các cổ đông sáng lập là pháp nhân phải nắm giữ số cổ phần tối thiểu bằng 50% tổng số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ.

6. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB không vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật. Trong quá trình hoạt động, Đại hội đồng cổ đông quyết định điều chỉnh tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của các nhà đầu tư nước ngoài tại MB phù hợp quy định pháp luật

Điều 28. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông phải được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi MB được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của MB.

1.2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

1.3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.

1.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

1.5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của MB hoặc các tổ chức khác được MB chỉ định. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép thông tin trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định pháp luật, trong giờ làm việc theo quy định của MB hoặc của các tổ chức được MB chỉ định.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với MB hoặc tổ chức được MB chỉ định để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. MB không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

Điều 29. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của MB có thể được chuyển nhượng, tặng cho và thừa kế theo quy định của pháp luật.

2. Cổ phiếu của MB được lưu ký tập trung tại Tổng công lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trước khi thực hiện giao dịch, trừ trường hợp khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Cổ phiếu của MB bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

3.1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của MB.

3.2. Số lượng cổ phần và loại cổ phần.

3.3. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

3.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

3.5. Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

4. Mỗi cổ đông có thể được MB cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phiếu hoặc cách thức khác phù hợp quy định pháp luật để ghi nhận số vốn góp. Trường hợp

có sai sót do lỗi của MB trong nội dung và hình thức cổ phiếu do MB phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

5. Việc công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu của MB thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.

6. Cổ phiếu của MB không được dùng để bảo đảm tại chính MB.

Điều 30. Phát hành trái phiếu

Ngoài việc tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác của MB phải đảm bảo các quy định sau:

1. Tuân thủ quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối với trái phiếu chuyển đổi:

2.1. Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của MB phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

2.2. Việc MB phát hành trái phiếu chuyển đổi được Đại hội đồng cổ đông MB thông qua và thực hiện các thủ tục phù hợp với quy định pháp luật.

2.3. Trên cơ sở Phương án phát hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Hội đồng quản trị quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Những thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi.

2.4. Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 31. Đại diện cổ đông

1. Đại diện cổ đông tổ chức là đại diện hợp pháp của pháp nhân đó. Đại diện cổ đông cá nhân là chính cá nhân đó.

2. Trong phạm vi pháp luật cho phép, đại diện cổ đông có thể tự mình hoặc cử hoặc ủy quyền cho người khác, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, để thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Việc cổ đông cử người đại diện hoặc thay thế người đại diện tại MB phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người ủy quyền (đối với cổ đông cá nhân), hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân (đối với cổ đông tổ chức) và gửi cho Hội đồng quản trị MB theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cổ đông tổ chức sáp nhập, hợp nhất, hoặc được thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông tổ chức mới phải gửi MB các văn bản pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất, hoặc kế thừa. Hội đồng quản trị đối chiếu với các quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề về cổ đông, người đại diện và cổ phần.

5. Trường hợp cổ đông tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho cổ đông khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT MB

Mục 1. Cơ cấu tổ chức quản lý

Điều 32. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của MB bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Mục 2. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông

Điều 33. Cổ đông

1. MB có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông, trong đó có cổ đông là tổ chức và cổ đông là cá nhân theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ góp vốn của các cổ đông phải đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Cổ đông của MB là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam hoặc là cá nhân mang quốc tịch Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện quy định của pháp luật, không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của MB và trở thành cổ đông của MB khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, các điều kiện do MB quy định và tuân thủ Điều lệ này.

2. Loại cổ đông:

2.1. MB có cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông.

2.2. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Điều 34. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông có các quyền sau:

1.1. Tham dự họp, phát biểu và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

1.2. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1.3. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi MB tăng Vốn điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông phù hợp quy định pháp luật. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này.

1.4. Được chuyển nhượng cổ phần hoặc bán lại cổ phần cho MB, theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp với quy định của pháp luật.

1.5. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của MB, tra cứu các thông tin của bản thân cổ đông, phù hợp quy định của pháp luật.

1.6. Xem và nhận bản sao hoặc trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa thông tin không chính xác của mình.

1.7. Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB, phù hợp quy định của Hội đồng quản trị MB.

1.8. Khi MB giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào MB theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản.

1.9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng có thêm các quyền sau:

2.1. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

2.2. Được quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định pháp luật.

2.3. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông sáng lập của MB ngoài các quyền của cổ đông phổ thông còn có các quyền sau:

3.1. Được giữ "Danh hiệu Cổ đông sáng lập" trong suốt thời gian là cổ đông MB. Danh hiệu Cổ đông sáng lập gắn liền với nhân thân cổ đông.

3.2. Danh hiệu cổ đông sáng lập và quyền ứng cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng, thừa kế, cho tặng... dưới mọi hình thức.

Điều 35. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1.1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật và MB về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần của MB;

1.2. Không được rút vốn cổ phần dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của MB, trừ trường hợp được MB hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

1.3. Chấp hành Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của MB.

1.4. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

1.5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của MB trong phạm vi số vốn đã góp.

1.6. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của mọi thông tin cung cấp cho MB.

1.7. Bảo mật các thông tin được MB cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán hoặc sao, gửi thông tin được MB cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

1.8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho MB, trong trường hợp MB phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, MB có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của MB. Tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Các cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tự mình tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện cho mình tham dự họp hoặc tham dự họp thông qua hình thức phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ MB. Việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo quy định của Điều lệ này. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Hội đồng quản trị mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của MB tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của MB có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, phù hợp quy định pháp luật.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

4.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB.

4.2. Tình hình tài chính của MB cho thấy MB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN.

4.3. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị hoặc số thành viên của Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị

nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị có chữ ký của các cổ đông có liên quan).

4.5. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do cho rằng Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp quy định tại Điều 53, Điều 54 Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4.6. Theo yêu cầu của NHNN.

4.7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 Khoản 4 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do MB thanh toán vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1.1. Thông qua định hướng phát triển của MB.

1.2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB.

1.3. Phê chuẩn Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

1.4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

1.5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. MB căn cứ quy định pháp luật, chiến lược, kế hoạch hoạt động của MB, nhiệm vụ được phân công và mức độ hoàn thành công việc để xác định thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban Kiểm soát.

1.6. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho MB và cổ đông của MB.

1.7. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định tổng số cổ phần được quyền chào bán.

1.8. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán.

1.9. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi.

1.10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận.

1.11. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

1.12. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần vào doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

1.13. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của MB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

1.14. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB. Trong trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

1.15. Quyết định thành lập công ty con MB.

1.16. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB.

1.17. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu các vấn đề quy định tại điểm 1.10 và điểm 1.11 khoản 1 Điều này và các vấn đề khác phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 38. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ MB hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này. Người được ủy quyền không nhất thiết là cổ đông của MB và không được ứng cử với tư cách của chính mình.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến MB trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức Đại hội. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

2.1. Tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông.

- 2.2. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại MB.
- 2.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền.
- 2.4. Số cổ phần được ủy quyền đại diện.
- 2.5. Thời hạn đại diện theo ủy quyền.
- 2.6. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - 3.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì văn bản ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
 - 3.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
 - 3.3. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - 3.4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào họp.
4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - 4.1. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - 4.2. Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
 - 4.3. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
5. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng nếu MB nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này chậm nhất hai mươi tư giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
6. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - 6.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 6.2. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 6.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc các hình thức kết hợp khác;
 - 6.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - 6.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác, tham dự và biểu quyết thông qua hình thức khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ MB.

7. Việc tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo các hình thức, phương tiện quy định tại Khoản 6.3 và Khoản 6.5 nêu trên và cách thức thực hiện do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp quy định pháp luật và văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của MB để các cổ đông biết và thực hiện..

Điều 39. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của MB. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông đã lưu ký chứng khoán thì danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo quy định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, phù hợp quy định pháp luật.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông, mã số cổ đông hoặc mã số lưu ký chứng khoán theo quy định của đơn vị quản lý cổ đông được chỉ định và các thông tin khác theo quy định pháp luật.

3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng theo quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 40. Thông báo mời họp, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

1.1. Lập một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết như quy định tại Điều 39 của Điều lệ này, chương trình họp và các tài liệu cuộc họp.

1.2. Khẳng định thời gian và địa điểm đại hội;

1.3. Thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về Đại hội đồng cổ đông và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông.

1.4. Các công việc khác phù hợp quy định pháp luật.

2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và các nội dung bắt buộc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thông báo mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp, hoặc

thông báo qua phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo mời họp và tài liệu phải được gửi đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang web chính thức của MB đồng thời với việc gửi thông báo mời họp và tài liệu cho các cổ đông. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, và thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

3. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang web chính thức của MB, 01 tờ báo trung ương và 01 Tờ báo địa phương nơi MB đóng trụ sở chính.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục 06 tháng có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến MB chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, kèm theo là tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị của người kiến nghị.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:

5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

5.2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5.3. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ MB và không phù hợp với các quy định của pháp luật.

5.4. Người kiến nghị không xuất trình đủ các tài liệu chứng minh quyền được kiến nghị cho MB.

6. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến Chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 41. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của MB.

2. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần biểu quyết của MB.

3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện cần thiết tham dự cuộc họp trong vòng 120 phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc.

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện cần thiết và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông với tư cách quan sát viên, nếu không tham dự họp với tư cách cổ đông, để giám sát quá trình tổ chức và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo lần thứ ba.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời câu hỏi của cổ đông (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 42. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, MB phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách sử dụng thẻ biểu quyết theo quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông; cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu 01 người trong số họ làm Chủ tọa theo nguyên tắc đa số; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa theo phương thức trên thì 01 thành viên Hội đồng quản trị điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu ra Chủ tọa trong số những người đến dự họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa đề cử Thư ký lập Biên bản họp Đại hội, đề cử Ban kiểm phiếu để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

6.1. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.

6.2. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

6.3. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự theo đúng Chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

9. Người triệu tập Đại hội cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Người triệu tập Đại hội cổ đông cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp.

10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

10.1. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.

10.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.

10.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

11.1. Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).

11.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.

13. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức họp khác với quy định tại Điều này. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác. Hội đồng quản trị ban hành quy chế về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác.

Điều 43. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông MB theo quy định tại Điều 46 Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề quy định tại các điểm 1.1; 1.4; 1.6; 1.16 khoản 1 Điều 37 phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

5.1. Được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại điểm 5.3 khoản 5 Điều lệ này.

5.2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

5.3. Được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, đối với một số vấn đề sau:

- Quyết định phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB.
- Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản MB.
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của MB có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Điều 44. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của MB. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời của cổ đông để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ có thể được thực hiện thông qua hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc kết hợp các hình thức theo quyết định của HĐQT.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của MB.

3.2. Mục đích lấy ý kiến.

3.3. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

3.6. Thời hạn phải gửi về MB phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB.

4. Trường hợp phiếu lấy ý kiến đã trả lời gửi đến MB bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử:

4.1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về MB phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về MB sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

4.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác, phương thức kết hợp khác, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

4.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, các phương thức điện tử hoặc phương thức kết hợp khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Thành viên Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý MB.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.

5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

5.5. Các quyết định đã được thông qua.

5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, phù hợp quy định pháp luật về chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 45. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của MB, phù hợp quy định pháp luật về chứng khoán. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được thông qua tại Đại hội. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của MB phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Các nội dung khác liên quan đến biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp cụ thể:

- Tên, địa chỉ, trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
- Chương trình và nội dung cuộc họp.
- Chủ tọa và Thư ký.
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, Phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp, các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
- Họ tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp.
- Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.

Điều 46. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ

đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43 Điều lệ này; hoặc
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm quy định Điều lệ này hoặc quy định pháp luật.

Mục 3. Điều khoản chung về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

Điều 47. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị MB, có toàn quyền nhân danh MB để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá, giám sát việc chấp hành quy định pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị MB.
3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của MB theo nhiệm vụ quyền hạn phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Chủ tịch và các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác trong Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB được bầu, bổ nhiệm phải được Thống đốc NHNN chấp thuận theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Những người không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MB và các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ khác

1. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MB:
 - 1.1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - 1.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.
 - 1.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
 - 1.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
 - 1.5. Cán bộ, công chức người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB.
 - 1.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên

ng nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB và các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật.

1.7. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

1.8. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng.

1.9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.

1.10. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.

1.11. Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của MB và/hoặc NHNN.

1.12. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của MB.

1.13. Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng Giám đốc của MB.

1.14. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty con của MB:

2.1. Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

2.2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.

2.3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.

2.4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.

2.5. Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB.

2.6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan

chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại MB.

2.7. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính của MB.

Điều 49. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Thành viên Hội đồng quản trị của MB:

1.1. Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của MB.

1.2. Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của MB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của MB.

1.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB không được đồng thời là Người điều hành của MB và tổ chức tín dụng khác; không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

2. Thành viên Ban Kiểm soát của MB:

2.1. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của MB hoặc công ty con của MB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của MB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của Doanh nghiệp đó.

2.2. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành tại MB.

2.3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổng Giám đốc MB, Phó Tổng Giám đốc MB và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của MB; không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp khác.

Điều 50. Đương nhiên mất tư cách

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1.1. Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết.

1.2. Vi phạm quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

1.3. Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà người đó là đại diện vốn góp) chấm dứt.

1.4. Tư cách làm người đại diện vốn góp theo ủy quyền của cổ đông tổ chức chấm dứt.

1.5. Bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. MB bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

1.7. Quyết định bầu, bổ nhiệm để thay thế đối với chức danh Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc có hiệu lực.

1.8. Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc hết hiệu lực.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5; 1.8 khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của MB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm/thuê chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của MB sau khi bị xác định mất tư cách đương nhiên vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của MB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chức danh được Thống đốc NHNN chấp thuận, hoặc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm trước đây của những người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 51. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát của MB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1.1. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

1.2. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát MB (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức).

1.3. Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.4. Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với Người quản lý, Người điều hành theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

1.5. Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không tham gia các hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

1.6. Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết.

2. Tổng Giám đốc của MB bị xem xét bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp tại Mục 1.1, 1.2, 1.4 và 1.6 Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của MB hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Chức danh đã được Thống đốc NHNN chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của MB.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị MB phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm/thuê chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.

Điều 52. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Trường hợp MB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành nếu xét thấy cần thiết.

2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc MB vi phạm quy định tại Điều 48, Điều 49 của Điều lệ MB, quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của những đối tượng vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của MB có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của MB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Mục 4. Các nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác

Điều 53. Nghĩa vụ thận trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành và Người quản lý khác có nghĩa vụ:

1. Không tiết lộ bí mật của MB.

2. Không hành động vượt quá quyền hạn được quy định trong Điều lệ này và các quy định nội bộ của MB.

3. Khi MB không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả; thì:

3.1. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm trên của khoản này.

3.2. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của MB.

Điều 54. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người điều hành, Người quản lý khác của MB phải lương thiện, chí công vô tư, không gây xung đột lợi ích với MB và có các nghĩa vụ:

1.1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ MB một cách trung thực, miễn cưỡng vì lợi ích của MB và cổ đông của MB.

1.2. Không lạm dụng địa vị và quyền hạn, không sử dụng tài sản của MB để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, chiếm đoạt cơ hội kinh doanh; không được đem tài sản của MB cho người khác hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác, làm thiệt hại lợi ích của MB.

1.3. Thông báo đầy đủ, kịp thời, chính xác cho MB về quyền lợi có thể xung đột mà họ có được ở các tổ chức, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng các cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.

1.4. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với MB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của MB.

1.5. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình được cấp tín dụng từ MB theo quy định chung của pháp luật và của MB.

1.6. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ngân hàng bị lỗ.

1.7. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của MB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của MB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.

1.8. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

1.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Các hợp đồng, giao dịch của MB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của MB; công ty con, công ty liên kết của MB theo Luật các Tổ chức tín dụng chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:

2.1. Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của NHNN) thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

2.2. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB (theo quy định của NHNN) thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia biểu quyết.

3. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 2 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho MB phải có trách nhiệm bồi thường.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của MB hay của các công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và các chức danh tương đương của MB (nếu có) có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 39 Luật các Tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn thi hành như sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên.

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

- Việc kê khai phải thực hiện trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với MB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Việc kê khai các lợi ích có liên quan phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của MB.

6. Các Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi đối tượng cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng) của MB với các Phó Tổng Giám đốc, Người quản lý khác của MB và/hoặc với người có liên quan của họ chỉ được ký kết khi có chấp thuận của Hội đồng quản trị MB.

Điều 55. Trách nhiệm và Bồi thường

1. Trách nhiệm.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Người điều hành và Người quản lý khác của MB có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật, Điều lệ MB và các quy định nội bộ của MB trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

2. Bồi thường.

MB sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của MB mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các Quy chế của MB. MB có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

Khi MB bị tổn thất về tài sản và trong trường hợp tổn thất được xác định do nguyên nhân chủ quan của người gây ra tổn thất thì thẩm quyền quyết định mức bồi thường tổn thất về tài sản thực hiện theo quy định nội bộ từng thời kỳ của MB, phù hợp quy định pháp luật.

Mục 5. Hội đồng quản trị

Điều 56. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu phù hợp quy định của pháp luật, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng quản trị ngân hàng phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; trong đó dự kiến số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập (trường hợp chưa bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc chưa đủ ít nhất 01 thành viên theo quy định); đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật.

2.2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đáp ứng đủ điều kiện biết rõ lý do.

2.3. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

2.4. MB có thể lập danh sách đề cử và tiến hành bầu riêng thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong trường hợp này, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được tiến hành như việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị khác.

3. Hội đồng quản trị có từ năm (5) thành viên đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông MB quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị MB là 05 năm. Mỗi thành viên Hội đồng

quản trị có nhiệm kỳ không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không phải là Người điều hành của MB và thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trong đó có tối thiểu 01 thành viên độc lập và tối thiểu 02 thành viên chuyên trách. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được chiếm quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị, trừ trường hợp khác theo quy định pháp luật.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ MB. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

7. Cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc đại diện cho cổ đông nước ngoài là tổ chức tham gia Hội đồng quản trị với điều kiện không giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

9. Số lượng ứng cử viên (thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát) mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm như sau:

9.1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 9% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên.

9.2. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên.

9.3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên.

9.4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên.

9.5. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.

9.6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên.

9.7. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên.

9.8. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

10. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử. Trường hợp sau lượt bầu thứ nhất mà chưa đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát dự kiến thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu cho đến khi đủ số lượng dự kiến hoặc thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

1.1. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 48 Điều lệ MB và quy định của pháp luật.

1.2. Có đạo đức nghề nghiệp.

1.3. Có bằng đại học trở lên.

1.4. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên đáp ứng các điều kiện theo khoản 1 Điều này và các yêu cầu sau:

2.1. Không phải là người đang làm việc cho MB hoặc công ty con của MB hoặc đã làm việc cho MB hoặc công ty con của MB bất kỳ thời gian nào trong 03 (ba) năm liền kề trước đó.

2.2. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên phụ cấp khác của MB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

2.3. Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của MB, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của MB hoặc công ty con của MB.

2.4. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của MB.

2.5. Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của MB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

2.6. Các điều kiện, tiêu chuẩn khác phù hợp quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc cho Hội đồng quản trị như cán bộ nhân viên MB, phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 58. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này.

3. Quyết định việc thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp.

4. Quyết định mô hình tổ chức và chức năng của trụ sở chính.

5. Quyết định kế hoạch nhân sự hàng năm gồm tổng số nhân sự, chi phí lương, duyệt quyết toán lương; cơ chế thưởng phù hợp Điều lệ này và quy định nội bộ của MB.

6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và các chức danh khác (nếu có) theo quy định của Hội đồng quản trị.

7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

8. Cử người đại diện vốn góp của MB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của MB từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

10. Thông qua việc cấp tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 127, khoản 7 Điều 128 của Luật các Tổ chức tín dụng và các khoản cấp tín dụng khác pháp luật quy định Hội đồng quản trị quyết định, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Thông qua các hợp đồng của MB với công ty con, công ty liên kết của MB; các hợp đồng của MB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của MB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc theo quy định và kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

13. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.

14. Phê duyệt kế hoạch/mục tiêu hoạt động kinh doanh hàng năm và những điều chỉnh, sửa đổi (nếu có) do Tổng Giám đốc đề nghị.

15. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của MB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.

16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của MB.

17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên; xem xét, phê duyệt đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính của MB theo quy định của pháp luật.

18. Lựa chọn tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để thẩm định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.

19. Trình Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

20. Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu phá sản MB.

21. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.

22. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của MB.

23. Quyết định mua lại cổ phần của MB theo quy định tại Điều lệ này.

24. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

25. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

26. Quyết định trích lập các quỹ (sau khi MB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác phù hợp quy định pháp luật) trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định về việc sử dụng các quỹ.

27. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

28. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.

29. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.

30. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).

31. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

32. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 59. Quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị MB theo quy định của pháp luật và Điều lệ của MB.

2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của MB.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành MB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

5. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

6. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

7. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

8. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác phù hợp Điều lệ này và quy định pháp luật.

Điều 60. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

2.1. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2.2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.

2.3. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.

2.4. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.

2.5. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của MB, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2.6. Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh.

2.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2.8. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của họ.

2.9. Giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2.10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.

2.11. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

2.12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt hoặc các trường hợp khác phù hợp quy định pháp luật và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc MB biết về việc ủy quyền này. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định pháp luật, các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 61. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của MB.

2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao của Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của MB và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách (có chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm: một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của MB.

Điều 62. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thì Hội đồng quản trị cử ra một thành viên Hội đồng quản trị tạm thời điều hành công việc của Hội đồng quản trị. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể

từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu hoặc vi phạm quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định hoặc phát sinh vi phạm, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu theo quy định của NHNN. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 63. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị mới được bầu phải nhóm họp trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên Hội đồng quản trị bầu theo nguyên tắc đa số quá bán, chọn 01 người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của MB hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

4.1. Có đề nghị của Ban Kiểm soát.

4.2. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác.

4.3. Có đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị.

4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên dự họp khác như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại MB.

6. Thành viên Ban Kiểm soát là thành phần tham dự đương nhiên của các cuộc họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng Giám đốc hoặc người khác tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (nếu cần thiết). Thành viên tham dự họp không phải là Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với MB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

8. MB quy định trong quy định nội bộ của Hội đồng quản trị các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản (nếu văn bản giấy thì phải đựng trong phong bì kín) phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản giấy chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

10.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

10.2. Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người khác dự họp thì phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

10.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp trực tiếp kết hợp với hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, hoặc các hình thức kết hợp khác.

10.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Thủ tục gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 63 Điều lệ này.

10.5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của MB/Quy định của Hội đồng quản trị.

11. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số quá bán phiếu tán thành, bao gồm cả gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản. Nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chủ tọa, các Thành viên Hội đồng quản trị dự họp và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng về công việc tiến hành tại các cuộc họp.

13. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung bắt buộc theo quy định pháp luật thì biên bản này vẫn có hiệu lực. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do và được bảo lưu ý kiến của mình tại cuộc họp. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

14. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 64. Các Ủy ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Hội đồng quản trị, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Nhiệm vụ quyền hạn của các Ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 65. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và dấu của MB để thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Hội đồng quản trị có thể có các cơ quan, nhân viên giúp việc chuyên trách do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định cụ thể số lượng, nhiệm vụ, tiền lương và các chế độ khác của các cán bộ, nhân viên giúp việc chuyên

trách thuộc bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài khác để thực hiện các công việc liên quan, nếu cần thiết, để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của MB.

Mục 6. Tổng Giám đốc

Điều 66. Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của MB.

2. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

4.1. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày.

4.2. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4.3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả, phù hợp quy định pháp luật và quy định của Hội đồng quản trị.

4.4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của MB.

4.5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy định nội bộ MB trình Hội đồng quản trị hoặc quyết định theo thẩm quyền.

4.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh của MB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

4.7. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động của MB theo đúng pháp luật và quy định do Hội đồng quản trị ban hành, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

4.8. Tuyển dụng, tổ chức tuyển dụng lao động; quyết định lương thưởng của Người lao động theo thẩm quyền.

4.9. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh.

4.10. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

4.11. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; cơ chế lãi suất, hoa hồng, phí, tiền phạt đối với khách hàng; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ

thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ điều hành khác thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc không trái quy định pháp luật và các quy định, quyết định khác của Hội đồng quản trị.

4.12. Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của MB theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4.13. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

4.14. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của MB nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của MB trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.

4.15. Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.

4.16. Ký kết hợp đồng nhân danh MB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của MB.

4.17. Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ MB và quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của MB không được trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với MB (nếu có) và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho MB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho MB.

Điều 67. Tiêu chuẩn, điều kiện Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty con

1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:

1.1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật các Tổ chức tín dụng.

1.2. Có đạo đức nghề nghiệp.

1.3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật.

1.4. Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

1.5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty con:

2.1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật các Tổ chức tín dụng; đối với Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Các Tổ chức tín dụng.

2.2. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

2.3. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Tài chính, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc (Tổng Giám đốc) công ty con còn phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 68. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 51, Điều 58 Điều lệ này và quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc theo Điều 50 Điều lệ này hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ/đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc và cử ngay một Phó Tổng Giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị báo cáo NHNN theo đúng thời hạn và thủ tục theo quy định pháp luật.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông báo theo khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm/thuê Tổng Giám đốc mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Sau khi có văn bản chấp thuận của NHNN, Hội đồng quản trị MB ra quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc bắt đầu thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ của mình trong thời gian đảm nhiệm. Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

5. Trường hợp Tổng Giám đốc được tái bổ nhiệm, Hội đồng quản trị thông báo NHNN về việc bổ nhiệm lại theo quy định pháp luật (nếu có).

6. Tổng Giám đốc của MB sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm. Chức danh được Thống đốc NHNN chấp thuận trước đây của Tổng Giám đốc bị mất tư cách đương nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 69. Giúp việc cho Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc phù hợp mô hình tổ chức, chức năng của trụ sở chính của MB do Hội đồng quản trị quyết định từng thời kỳ và Điều lệ này.

2. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh khác thuộc bộ máy chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của MB.

3. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của MB theo phân công của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công. Số lượng và nhân sự Phó Tổng Giám đốc cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc.

4. Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và các nhiệm vụ khác theo quy định nội bộ của MB và quy định pháp luật.

Mục 7. Ban Kiểm soát

Điều 70. Thành phần và nhiệm kỳ

Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban Kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ này, phù hợp quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

1. Quy trình, thủ tục bầu các chức danh thành viên Ban Kiểm soát:

1.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày, Hội đồng quản trị ngân hàng phải thông báo cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Ban Kiểm soát; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của pháp luật. Việc đề cử ứng viên thành viên Ban Kiểm soát thực hiện như quy định tại Khoản 9 Điều 56 Điều lệ này.

1.2. Trên cơ sở danh sách đề cử của các cổ đông đối với các chức danh này, Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập Danh sách ứng cử viên cho các chức danh dự kiến bầu. Trường hợp các cổ đông không đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên Ban Kiểm soát hoặc các ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, Hội đồng quản trị sẽ đề cử ứng cử viên bổ sung, thay thế đối với các chức danh này. Hội đồng quản trị thông báo cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử của ứng cử viên không đủ điều kiện biết rõ lý do.

1.3. Sau khi lập Danh sách ứng cử viên, Hội đồng quản trị MB có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận Danh sách này.

2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) người. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát cụ thể từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trưởng Ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại MB.

3. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không ít hơn $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên có thời gian làm việc và chế độ làm việc như cán bộ nhân viên MB, chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Trưởng Ban Kiểm soát phân công. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng khác và các trường hợp khác theo quy định pháp luật. Tất cả các thành viên Ban Kiểm soát phải là cổ đông/đại diện cổ đông tổ chức của MB.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc thay thế thành viên Ban Kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát.

5. Thành viên Ban Kiểm soát phải hội đủ những tiêu chuẩn sau:

5.1. Là cổ đông/đại diện cổ đông của MB.

5.2. Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 48, Điều 49 Điều lệ này.

5.3. Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và Điều 53, Điều 54 Điều lệ này.

5.4. Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

5.5. Không phải là người có liên quan của người quản lý MB.

5.6. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

6. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông nước ngoài được bầu vào Ban Kiểm soát thì người này phải đáp ứng thêm được các điều kiện theo quy định của pháp luật về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam.

Điều 71. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ MB và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong việc quản trị, điều hành MB; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành MB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của MB; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý,

hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của MB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

7. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc MB; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.

8. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ MB.

9. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các Tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ MB.

10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

11. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ của MB phù hợp quy định pháp luật và quy định nội bộ có liên quan của MB.

12. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của MB. .

13. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật

Điều 72. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1.1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Các Tổ chức tín dụng.

1.2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.

1.3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

1.4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

1.5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

1.6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

1.7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.

1.8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.

1.9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.

1.10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

1.11. Các quyền, nghĩa vụ khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

2.1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của MB và cổ đông.

2.2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.

2.3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.

2.4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có.

2.5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của MB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2.6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

2.7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích.

2.8. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết.

2.9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

2.10. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng tiền lương, thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của MB. Tổng

mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các thành viên Ban Kiểm soát được đài thọ các chi phí hợp lý khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Tổng số phí công vụ (lương hoặc thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Ban kiểm soát và số chi phí công vụ mà mỗi thành viên Ban Kiểm soát đã nhận được nêu trong báo cáo hàng năm của MB.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của MB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải đảm bảo rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 73. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày xác định được Thành viên Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, Hội đồng quản trị phải có văn bản báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục để bầu thành viên Ban Kiểm soát mới theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.

4. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ MB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho chức danh bị khuyết.

6. Trưởng ban và Thành viên Ban Kiểm soát của MB sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm. Chức danh được Thống đốc NHNN chấp thuận trước đây của Thành viên Ban Kiểm soát bị mất tư cách đương nhiên, miễn nhiệm, bãi nhiệm đương nhiên hết hiệu lực.

Điều 74. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ mới phải được tổ chức trong vòng 07 ngày sau bầu cử Ban Kiểm soát đó. Cuộc họp này do Thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số quá bán 01 người trong số họ để triệu tập họp Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

3. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

3.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3.2. Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.

3.3. Trưởng Ban Kiểm soát.

3.4. Đa số thành viên Ban Kiểm soát.

3.5. Tổng Giám đốc.

3.6. Theo yêu cầu của NHNN.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm 3.1; 3.2; 3.4; 3.5 khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp kể trên mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, trình NHNN chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại (nếu có).

5. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thông báo mời họp Ban Kiểm soát phải được gửi tối thiểu 2 ngày trước ngày họp.

6. Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.

Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

7. Biểu quyết.

7.1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

7.2. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

7.3. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự biểu quyết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với MB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số quá bán thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ toạ cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

10.1. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số quá bán các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

10.2. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

11. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi thành biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được chủ tọa và thư ký cuộc họp ký tên. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Mục 8. Người lao động và Công đoàn

Điều 75. Người lao động và công đoàn

1. Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị theo thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến người lao động như tuyển dụng, tiền lương, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật đối với người lao động.

2. Mỗi quan hệ của MB với tổ chức Công đoàn các cấp được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của MB và quy định pháp luật, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định và tiến bộ.

CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ GIỮA MB VÀ CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của MB

Điều 76. Các Đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên kết của MB

1. MB có Các Đơn vị trực thuộc, các Công ty con, Công ty liên kết.
2. MB có thể thành lập Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Đơn vị trực thuộc ở trong nước và Chi nhánh, văn phòng đại diện, các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài phù hợp quy định pháp luật. Tổ chức và hoạt động của các Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định nội bộ của MB từng thời kỳ.

Mục 2. Mối quan hệ giữa MB với các Đơn vị trực thuộc

Điều 77. Quan hệ giữa MB và các Đơn vị trực thuộc

1. Các đơn vị trực thuộc (đơn vị phụ thuộc) là các đơn vị hạch toán phụ thuộc MB, bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
2. Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc MB, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của MB.

Mục 3. Quan hệ giữa MB và các Công ty có liên quan

Điều 78. Quản lý phần vốn góp của MB trong các Công ty có liên quan

1. MB giao quyền cho người đại diện theo ủy quyền của MB trực tiếp thay mặt MB quản lý các khoản đầu tư của MB tại các Công ty có liên quan trong phạm vi Điều lệ của các Công ty có liên quan này cho phép.
2. MB quyết định mức đầu tư vào các Công ty có liên quan thành lập mới, điều chỉnh mức đầu tư đối với các Công ty có liên quan đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch kinh doanh của MB.

3. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền của MB tại các Công ty có liên quan được xác định theo quy chế do Hội đồng quản trị ban hành và tại từng thời điểm của người đại diện cụ thể.

Điều 79. Chi phối, liên kết, hỗ trợ các Công ty có liên quan

1. Khi MB nắm quyền chi phối đối với một Công ty có liên quan, quyền chi phối, hỗ trợ có thể được quy định trong Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty có liên quan, bao gồm các lĩnh vực sau:

1.1. Biểu quyết và phê duyệt Điều lệ hoạt động.

1.2. Biểu quyết việc phê duyệt phương hướng chiến lược kinh doanh.

1.3. Biểu quyết việc phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.

1.4. Biểu quyết việc phê duyệt các phương án kinh doanh của Công ty có liên quan cho việc đầu tư ra ngoài của Công ty có liên quan.

1.5. Nhận và thông qua các báo cáo quản lý và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hàng năm của công ty có liên quan.

1.6. Tham gia vào hoạt động đối với Công ty có liên quan phù hợp quy định pháp luật, bao gồm: liên kết với các Công ty có liên quan khác hoặc với chính MB để thực hiện các dự án cần có sự phối hợp của nhiều doanh nghiệp.

1.7. Thu lợi nhuận và chi phí hoàn trả và chịu rủi ro đối với phần vốn của MB đầu tư vào các Công ty có liên quan.

1.8. Các lĩnh vực khác theo Điều lệ của các Công ty có liên quan và quy định pháp luật.

1.9. Đơn vị thành viên tại Điều lệ này được hiểu là các Đơn vị trực thuộc và Công ty có liên quan của MB. MB sẽ hỗ trợ cho các Đơn vị thành viên bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của các Đơn vị thành viên và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực giữa các đơn vị thành viên. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ thương mại, đầu tư giữa các thành viên được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. MB sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các Công ty có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều 80 Điều lệ này. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện theo ủy quyền của MB thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các Công ty có liên quan.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 79 Điều lệ này:

1. MB quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. MB quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên.

3. MB quyết định và/hoặc phân cấp cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh khác của Công ty theo quy định của MB và/hoặc Điều lệ của Công ty.

4. MB thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 81. Quyền và nghĩa vụ của MB đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 78 Điều lệ này:

1. MB thực hiện quyền chi phối của cổ đông, bên góp vốn chi phối thông qua người đại diện của mình là thành viên trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông.

2. Được hưởng các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, Điều lệ của các Công ty con tương ứng và quy định có liên quan của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 82. Quan hệ giữa MB với các Công ty liên kết

MB có quyền và nghĩa vụ của cổ đông đối với các Công ty liên kết theo Điều lệ của các Công ty liên kết đó và hoặc hợp đồng góp vốn và theo quy định có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG VI. CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1. Hệ thống kế toán và năm tài chính

Điều 83. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán MB sử dụng là Hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, NHNN và pháp luật khác có liên quan.

2. MB sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

3. Các sổ sách kế toán của MB được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc MB chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, thiết lập hệ thống kế toán phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

Điều 84. Năm tài chính

Năm tài chính của MB bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi một) tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi một) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

Mục 2. Kiểm toán

Điều 85. Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của MB cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật. Công ty kiểm toán độc lập phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.

2. Một bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của MB.

3. MB sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của MB lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho MB phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu pháp luật có yêu cầu.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của MB sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Mục 3. Phân chia lợi nhuận

Điều 86. Phân chia lợi nhuận sau thuế

Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của MB được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 87. Trích lập quỹ sau thuế và trích lập dự phòng

1. MB trích lập, sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế và trích lập, sử dụng các khoản dự phòng theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ MB, Quy chế Quản lý tài chính và các quy định nội bộ có liên quan khác của MB, cụ thể:

1.1. Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

1.2. Trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của pháp luật.

1.3. Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ sau thuế khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tỷ lệ trích lập các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 88. Trả cổ tức

1. Cổ tức được chia theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. MB chi trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; Trích lập các quỹ MB và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và pháp luật; Ngay sau khi trả hết

số cổ tức đã định, MB vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

2. Cổ tức được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của MB do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Cổ tức có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của MB hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp quy định pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản khi MB đã có đủ thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông. MB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông hoặc bằng các phương thức khác do Hội đồng quản trị quyết định trong vòng 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của MB; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của MB.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ MB.

6. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của MB và phù hợp với quy định của pháp luật.

7. MB không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận được khi đến hạn trả cổ tức.

CHƯƠNG VII. SỔ SÁCH, HỒ SƠ NGÂN HÀNG VÀ CON DẤU

Điều 89. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Báo cáo tài chính hàng năm của MB bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Ngoài các báo cáo nêu trên, MB lập các báo cáo hàng năm bao gồm: báo cáo tài chính hợp nhất; báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của MB phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. Tổng Giám đốc MB tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại Khoản 1 điều này.

3. MB sẽ lập báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng và hàng quý và nộp cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại Khoản 1 điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của MB, các báo cáo về tình hình tài chính của MB và gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

5. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của MB chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

6. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban Kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính của MB và Thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. MB có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và 06 (sáu) tháng của MB phải được công bố trên website đó.

7. Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 90. Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ của MB

1. Cổ đông của MB có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về bản thân mình trong danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ MB, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp quy định của pháp luật.

2. Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 9% (chín phần trăm) tổng số cổ phần của MB trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách MB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của MB, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của MB để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại MB và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.

Điều 91. Chế độ lưu giữ tài liệu của MB

1. MB phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác do Hội đồng quản trị quyết định:

1.1. Điều lệ MB; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ MB; quy chế quản lý nội bộ của MB; sổ đăng ký cổ đông (trừ trường hợp được lưu giữ tại đơn vị quản lý Sổ đăng ký cổ đông được chỉ định hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán).

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Các giấy phép và giấy chứng nhận khác.

1.3. Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của MB.

1.4. Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của MB.

1.5. Bản cáo bạch đề chào bán hoặc niêm yết chứng khoán.

1.6. Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.

1.7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.

1.8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Tổng Giám đốc MB chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 92. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

3. MB phải công bố thông tin ra công chúng các báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 93. Dấu của MB

Hội đồng Quản trị MB được quyền quyết định hình thức, số lượng và nội dung dấu của MB; việc sử dụng, lưu giữ và quản lý dấu phù hợp quy định pháp luật. MB có thể sử dụng dấu dưới hình thức chữ ký số phù hợp quy định pháp luật về giao dịch điện tử. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và những người có thẩm quyền khác của MB sử dụng dấu theo quy định của MB và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN NGÂN HÀNG

Điều 94. Tổ chức lại

MB được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 95. Giải thể Ngân hàng

1. MB bị giải thể trong những trường hợp sau:

1.1. MB tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

1.2. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

1.3. Bị thu hồi Giấy phép.

1.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. MB chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Các quyết định giải thể MB do Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được NHNN chấp thuận theo quy định và/hoặc thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể MB, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó một thành do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kiểm toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban Thanh lý) do Đại hội đồng cổ đông chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của MB hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được MB ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của MB.

5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt MB trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý MB trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

6.1. Các chi phí thanh lý.

6.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên.

6.3. Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà MB phải trả cho Nhà nước Việt Nam.

6.4. Các khoản vay và nợ khác của MB.

6.5. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm 6.1 đến điểm 6.4 khoản này được phân chia cho các cổ đông.

7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể MB thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 96. Phá sản ngân hàng

Việc phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG IX.

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 97. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của MB hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định, giữa:

1.1. Một cổ đông hay các cổ đông với MB.

1.2. Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý khác của MB.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nêu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án hay trọng tài sẽ do cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.

Điều 98. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của MB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của MB.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 99. Điều khoản chung

1. Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban Kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của MB cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông MB thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021. Điều lệ này thay thế Điều lệ Ngân hàng TMCP Quân đội do Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 06 năm 2020.

3. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều lệ này gồm 10 (mười) chương, 99 (chín mươi chín) điều, được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau trong đó:

5.1. 01 (một) bản nộp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5.2. 02 (hai) bản gửi NHNN.

5.3. 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của pháp luật.

5.4. 02 (hai) bản lưu trữ tại MB.

4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của MB.

5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ MB phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền, phù hợp quy định của pháp luật. 

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Lê Hữu Đức